TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2024
V/v:*"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và ông Ngô Văn Thi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 624/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024,, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị T năm 1984; địa chỉ: Tổ C, ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoài H năm 1979; địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, bà T có mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Bùi Thị T2; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân của bà Bùi Thị T2 và ông Nguyễn Hoài H2 là do tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 169 ngày 09/11/2014. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, gia đình khó khăn về kinh tế và ông H3

quan tâm lo cho vợ con, thường xuyên ăn nhậu và có hành vi bạo lực gia đình đối với bà T3 Hai người đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Đến tháng 6/2023 bà T4 nộp đơn xin ly hôn với ông H4 được Tòa án hòa giải và ông H5 lập cam kết không đánh bà T5 bà đã rút lại yêu cầu ly hôn nhưng đến nay ông H3 sửa đổi tính tình mà tiếp tục có hành vi bạo lực với bà nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay, bà T không còn tình cảm với ông H6 yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà T6 ông H5 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Y ngày 08/8/2004 và Nguyễn Thị Kim X ngày 23/03/2009. Do Y1 trưởng thành, sống tự lập nên bà không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu X, bà đồng ý giao cháu cho ông H7 tiếp tục nuôi dạy. Bà T7 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoài H2 trình bày: Ông thống nhất với bà T8 điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân. Ông thừa nhận ông có hành vi bạo lực gia đình do trong lúc nóng giận không kiềm chế được, ông biết mình sai và rất hối hận về hành vi của mình. Do sau khi sống ly thân bà T9 đi làm thuê ở xã nên ông không có điều kiện tới lui năn nỉ hàn gắn tình cảm. Ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ.

Về con chung: Ông thống nhất với bà T10 02 con chung, họ tên năm sinh đúng như lời bà T11 bày. Do Yđã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu X đang sống chung với ông, nếu bà T12 quyết ly hôn thì ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu XKhông yêu cầu bà T13 dưỡng nuôi dạy con chung.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Theo kết quả ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên, cháu Nguyễn Thị Kim X2 có nguyện vọng sống với cha là ông H sau khi ông H khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, bà T14 nguyên yêu cầu khởi kiện, ông T15 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông H8 thủ tục chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà T16 H mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, trong thời gian ly thân ông H3 có giải pháp hàn gắn và tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình. Cho thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Con chung có nguyện vọng tiếp tục sống với ông H, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, giao con chung cho ông H được tiếp tục nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của ông H9 việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Bùi Thị T2 yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoài H10 Ông H cư trú tại huyện A, tỉnh An Giangnên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H8 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà T6 ông H11 do tự tìm hiểu yêu thương tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giangtheo Giấy chứng nhận kết hôn số 169 ngày 09/11/2014 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông H Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên ăn nhận về kiếm chuyện vô cớ và có hành vi bạo lực với bà T3 Bà T4 cố gắng khuyên ngăn, nhiều lần cho ông H12 hội sửa đổi nhưng ông H13 không có thiện chí. Cụ thể: Bà T đã từng nộp đơn ly hôn đến Toà án và đã hoà giải đoàn tụ nhưng ông H14 tục không sửa sai mà còn tiếp tục dung lời lẽ hăm doạ bà TTừ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Ông H15 nhận nguyên nhân mâu thuẫn đúng như lời bà T11 bày nhưng ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông H đã thật sự trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T17 phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Y ngày 08/8/2004 và Nguyễn Thị Kim X ngày 23/03/2009. Hiện cháu Y1 trưởng thành sống tự lập, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng cháu X3 đang sống chung với ông H10 Bà Tvà ông H16 nhất, ông H7 tiếp tục nuôi cháu Xbà T18 phải cấp dưỡng nuôi con chung, việc thỏa thuận của bà T6 ông H17 phù hợp với nguyện vọng của cháu X4 Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý, điều kiện sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu X5 ông H7 tiếp tục nuôi là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông H3 yêu cầu bà Tcấp d nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H18 định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông H và bà T10 căn cứ xác định có tài sản chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T2,

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T2 được ly hôn với ông Nguyễn Hoài H10

Về con chung: Ông Nguyễn Hoài H2 được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị K X1sinh ngày 23/03/2009.

Công nhận sự tự nguyện của ông H9 việc không yêu cầu bà Tcấp d nuôi con chung.

Ông H cùng các thành viên gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà T và không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà Bùi Thị T2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số TU/2022/0008548 ngày 09/10/2023. (bà T đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang